Bài trắc nghiệm - Dưới đây là 50 câu trắc nghiệm môn Vật lý trị liệu

Câu 1 **Về bản chất, ánh sáng là gì?**

A. Sóng âm.

B. Sóng điện từ.

C. Sóng cơ học.

D. Dòng điện.

Câu 2 **Theo bài giảng, ánh sáng nhìn thấy có bước sóng trong khoảng nào?**

A. 10–360 nm.

B. 360–760 nm.

C. 760–400.000 nm.

D. 1.000–10.000 nm.

Câu 3 **Bức xạ tử ngoại có bước sóng trong khoảng nào?**

A. 10–360 nm.

B. 360–760 nm.

C. 760–400.000 nm.

D. 400.000–500.000 nm.

Câu 4 **Bức xạ hồng ngoại có bước sóng theo bài giảng trong khoảng nào?**

A. 10–360 nm.

B. 360–760 nm.

C. 770–400.000 nm.

D. 100–500 nm.

Câu 5 **Tia hồng ngoại có tác dụng chủ yếu là gì?**

A. Tác dụng hóa học.

B. Tác dụng nhiệt.

C. Tác dụng điện.

D. Tác dụng cơ học.

Câu 6 **Nguồn hồng ngoại thiên nhiên chủ yếu đến từ đâu?**

A. Ánh sáng mặt trời.

B. Ánh sáng đèn LED.

C. Sóng vô tuyến.

D. Tia X.

Câu 7 **Tỷ lệ tia hồng ngoại trong ánh sáng mặt trời theo bài giảng là bao nhiêu?**

A. 5%.

B. 10%.

C. 15%.

D. 30%.

Câu 8 **Đèn hồng ngoại nhân tạo có bước sóng khoảng bao nhiêu?**

A. 100 nm.

B. 360 nm.

C. 760 nm.

D. 1.000 nm.

Câu 9 **Độ sâu tác dụng nhiệt của tia hồng ngoại được đề cập trong bài giảng là bao nhiêu?**

A. Không quá 2 cm.

B. 5–7 cm.

C. 10 cm.

D. 15 cm.

Câu 10 **Khi chiếu tia hồng ngoại lên da, hiện tượng nào thường xảy ra?**

A. Da co mạch và tái nhợt.

B. Da giãn mạch và đỏ lên.

C. Da mất cảm giác ngay lập tức.

D. Da xuất hiện màu đen vĩnh viễn.

Câu 11 **Hiện tượng đỏ da do tia hồng ngoại sau khi ngừng chiếu thường như thế nào?**

A. Tồn tại vĩnh viễn.

B. Chuyển thành màu đen.

C. Hết nhanh sau khi ngừng chiếu.

D. Gây loang lổ da kéo dài.

Câu 12 **Tác dụng của nhiệt nóng đối với hệ tuần hoàn là gì?**

A. Co mạch, giảm dòng máu.

B. Giãn mạch, tăng dòng máu.

C. Giảm tính thấm thành mạch.

D. Làm ngừng tuần hoàn.

Câu 13 **Tia hồng ngoại tác động đến quá trình chuyển hóa như thế nào?**

A. Giảm chuyển hóa.

B. Không ảnh hưởng.

C. Tăng chuyển hóa.

D. Ngừng chuyển hóa.

Câu 14 **Tác dụng của nhiệt nóng đối với mô liên kết là gì?**

A. Tăng độ nhớt, giảm đàn hồi.

B. Giảm độ nhớt, tăng khả năng đàn hồi.

C. Tăng co cứng.

D. Làm mô liên kết mất hoàn toàn tính đàn hồi.

Câu 15 **Tác dụng của tia hồng ngoại đối với cảm giác đau là gì?**

A. Làm tăng đau.

B. Không ảnh hưởng đến đau.

C. Giảm đau.

D. Gây mất cảm giác hoàn toàn.

Câu 16 **Tia hồng ngoại có tác dụng như thế nào đối với thần kinh cơ?**

A. Tăng co cứng cơ.

B. Giảm co cứng cơ.

C. Gây liệt cơ.

D. Làm tăng co rút cơ.

Câu 17 **Trường hợp nào sau đây là chỉ định điều trị bằng tia hồng ngoại?**

A. Chấn thương mới xảy ra.

B. Vết thương đang chảy máu.

C. Viêm nhiễm phần mềm chưa hóa mủ.

D. Khối u ác tính.

Câu 18 **Tia hồng ngoại có thể được sử dụng trong trường hợp nào sau đây?**

A. Chấn thương sau 48 giờ.

B. Chấn thương mới xảy ra vài giờ.

C. Xuất huyết đang tiến triển.

D. Viêm đã hóa mủ.

Câu 19 **Điều trị bằng tia hồng ngoại có thể giúp ích cho bệnh nhân trong trường hợp nào?**

A. Chuẩn bị cho tập vận động.

B. Điều trị trực tiếp khối u ác tính.

C. Điều trị vùng đang chảy máu.

D. Điều trị vùng da mất cảm giác.

Câu 20 **Trường hợp nào sau đây là chỉ định điều trị bằng tia hồng ngoại?**

A. Dị ứng do lạnh, lạnh cóng.

B. Xuất huyết mới.

C. Viêm đã hóa mủ.

D. Chấn thương mới.

Câu 21 **Trường hợp nào sau đây chống chỉ định điều trị bằng tia hồng ngoại?**

A. Đau dây thần kinh hông to.

B. Co rút cơ trong liệt cứng.

C. Các vết thương đang chảy máu.

D. Viêm khớp dạng thấp mạn tính.

Câu 22 **Không được chiếu tia hồng ngoại trực tiếp vào bộ phận nào?**

A. Cánh tay.

B. Lưng.

C. Đầu gối.

D. Mắt.

Câu 23 **Khoảng cách từ đèn hồng ngoại đến vùng điều trị thích hợp là bao nhiêu?**

A. 10–20 cm.

B. 20–30 cm.

C. 50–70 cm.

D. 100–150 cm.

Câu 24 **Thời gian chiếu đèn hồng ngoại trong mỗi lần điều trị là bao lâu?**

A. 5–10 phút.

B. 15–30 phút.

C. 40–50 phút.

D. 60–90 phút.

Câu 25 **Theo bài giảng, tai biến nào có thể xảy ra khi điều trị bằng tia hồng ngoại?**

A. Bỏng.

B. Hoại thư.

C. Tổn thương mắt.

D. Cả A, B và C.

Câu 26 **Nhiệt được định nghĩa là gì?**

A. Một đại lượng vật lý đặc trưng cho mức độ nóng lạnh của vật chất.

B. Một đại lượng đo khối lượng vật chất.

C. Một dạng năng lượng điện.

D. Một đại lượng đo áp suất.

Câu 27 **Khi chuyển động bên trong vật chất tăng thì nhiệt độ của vật chất sẽ như thế nào?**

A. Giảm.

B. Không thay đổi.

C. Tăng.

D. Bằng 0.

Câu 28 **Việt Nam sử dụng đơn vị đo nhiệt độ nào?**

A. Fahrenheit (°F).

B. Celsius (°C).

C. Kelvin (°K).

D. Joule (J).

Câu 29 **Hệ đo lường quốc tế sử dụng đơn vị nhiệt độ nào?**

A. °C.

B. °F.

C. °K.

D. Calo.

Câu 30 **Để một phản ứng hóa học xảy ra, các hạt tham gia phản ứng cần điều kiện nào?**

A. Chỉ cần có nhiệt độ thấp.

B. Có sự va chạm và năng lượng bằng hoặc lớn hơn năng lượng hoạt hóa.

C. Không cần năng lượng.

D. Chỉ cần có nước.

Câu 31 **Khi nhiệt độ tăng, vận tốc phản ứng hóa học thường thay đổi như thế nào?**

A. Tăng.

B. Giảm.

C. Không thay đổi.

D. Ngừng hoàn toàn.

Câu 32 **Vì sao nhiệt độ tăng làm tăng phản ứng sinh học nhưng có giới hạn?**

A. Vì cơ thể không có enzyme.

B. Vì phản ứng sinh học có sự tham gia của enzyme là protein.

C. Vì nhiệt không ảnh hưởng đến phản ứng.

D. Vì cơ thể không có chuyển hóa.

Câu 33 **Tác dụng của nhiệt nóng đối với tuần hoàn là gì?**

A. Co mạch, giảm dòng máu.

B. Giãn mạch, tăng dòng máu và tăng tính thấm.

C. Giảm tuần hoàn.

D. Ngừng lưu thông máu.

Câu 34 **Tác dụng của nhiệt lạnh đối với tuần hoàn là gì?**

A. Giãn mạch, tăng dòng máu.

B. Co mạch, giảm dòng máu và giảm tính thấm.

C. Tăng tính thấm thành mạch.

D. Tăng hoạt động tuần hoàn.

Câu 35 **Nhiệt nóng ảnh hưởng đến chuyển hóa như thế nào?**

A. Tăng chuyển hóa, tăng tiêu thụ oxy.

B. Giảm chuyển hóa, giảm tiêu thụ oxy.

C. Không ảnh hưởng.

D. Ngừng chuyển hóa.

Câu 36 **Nhiệt lạnh ảnh hưởng đến chuyển hóa như thế nào?**

A. Tăng chuyển hóa.

B. Tăng tiêu thụ oxy.

C. Giảm chuyển hóa, giảm tiêu thụ oxy.

D. Không ảnh hưởng.

Câu 37 **Nhiệt lạnh tác động lên mô liên kết như thế nào?**

A. Giảm độ nhớt, tăng đàn hồi.

B. Tăng độ nhớt, giảm khả năng đàn hồi.

C. Giảm co cứng.

D. Làm mềm mô liên kết.

Câu 38 **Tác dụng của nhiệt lạnh đối với cảm giác đau như thế nào?**

A. Luôn làm giảm đau ngay lập tức.

B. Ban đầu đau tăng, về sau giảm đau.

C. Không ảnh hưởng đến đau.

D. Làm đau tăng liên tục.

Câu 39 **Nhiệt lạnh tác động đến thần kinh cơ như thế nào?**

A. Giảm co rút cơ.

B. Tăng co rút cơ.

C. Không ảnh hưởng.

D. Làm tăng đàn hồi cơ.

Câu 40 **Chỉ định sử dụng nhiệt nóng tại chỗ trong trường hợp nào?**

A. Cần tăng tuần hoàn và dinh dưỡng tại một vùng cơ thể.

B. Vùng đang chảy máu.

C. Ổ viêm đã hóa mủ.

D. Chấn thương mới trong 3 ngày đầu.

Câu 41 **Nhiệt nóng tại chỗ có tác dụng nào sau đây?**

A. Tăng đau và tăng co rút cơ.

B. Giảm đau, giảm co rút cơ, giảm phù nề sau chấn thương.

C. Làm tăng độ cứng của sẹo.

D. Giảm tuần hoàn tại chỗ.

Câu 42 **Trường hợp nào là chỉ định sử dụng nhiệt nóng toàn thân?**

A. Suy tim giai đoạn cuối.

B. Suy gan giai đoạn cuối.

C. Giảm mệt mỏi, tăng sức khỏe sau lao động gắng sức.

D. Vùng đang chảy máu.

Câu 43 **Trường hợp nào sau đây chống chỉ định sử dụng nhiệt nóng?**

A. Làm mềm sẹo.

B. Giảm co cứng cơ.

C. Ổ viêm đã hóa mủ.

D. Tăng tuần hoàn tại chỗ.

Câu 44 **Chống chỉ định điều trị nhiệt nóng tại vùng nào?**

A. Vùng da mất cảm giác.

B. Vùng cơ bị co cứng.

C. Vùng lưu thông máu chậm.

D. Vùng cần tăng dinh dưỡng.

Câu 45 **Nhiệt lạnh tại chỗ được chỉ định trong trường hợp nào?**

A. Chấn thương mới.

B. Làm mềm sẹo.

C. Viêm bán cấp.

D. Giảm co cứng cơ.

Câu 46 **Hạ nhiệt toàn thân được chỉ định trong trường hợp nào?**

A. Đau cơ thông thường.

B. Phẫu thuật tim và các phẫu thuật lớn có sử dụng tuần hoàn ngoài cơ thể.

C. Làm mềm sẹo.

D. Tăng tuần hoàn tại chỗ.

Câu 47 **Trường hợp nào chống chỉ định điều trị bằng nhiệt lạnh?**

A. Hạ sốt.

B. Chấn thương mới.

C. Vùng thiếu nuôi dưỡng.

D. Bảo quản tạng ghép.

Câu 48 **Nhiệt nóng và nhiệt lạnh xen kẽ được chỉ định trong trường hợp nào?**

A. Vùng đang chảy máu.

B. Vùng có khối u.

C. Co rút cơ, cứng khớp.

D. Vùng có tổn thương lao.

Câu 49 **Điều trị bằng nhiệt nóng và lạnh xen kẽ sử dụng nhiệt độ và thời gian nào theo bài giảng?**

A. Nóng 37–42°C trong 5 phút, lạnh 10–17°C trong 2 phút.

B. Nóng 50–60°C trong 10 phút, lạnh 0°C trong 10 phút.

C. Nóng 20–25°C trong 5 phút, lạnh 30–35°C trong 5 phút.

D. Nóng 60–70°C trong 15 phút, lạnh 5°C trong 15 phút.

Câu 50 **Điều kiện của chất trung gian truyền nhiệt là gì?**

A. Độc, truyền nhiệt nhanh và dễ bay hơi.

B. Không độc, giữ nhiệt lâu, truyền nhiệt từ từ và tiện sử dụng.

C. Dễ cháy và dễ phân hủy.

D. Chỉ cần có nhiệt độ cao.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app